

KẾ HOẠCH

Về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xã Phước Giang năm 2025

Thực hiện Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025; UBND xã Phước Giang ban hành Kế hoạch về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã Phước Giang năm 2025 như sau:

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 - 2025;

- Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 17/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 20/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XX về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 25/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025;

- Kế hoạch số 04-KH/ĐU ngày 21/7/2025 của Đảng ủy xã Phước Giang thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

II. MỤC TIÊU CỦA KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu chung

- Hoàn thành mục tiêu phát triển chính quyền điện tử; tạo nền móng ban đầu,

sẵn sàng chuyển sang phát triển chính quyền số trong hoạt động chỉ đạo điều hành của UBND xã. Phát triển kinh tế số, xã hội số thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn xã; triển khai đầy đủ các yêu cầu cơ bản về đảm bảo an toàn thông tin theo chỉ đạo của tỉnh.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về chuyển đổi số. Bồi dưỡng nguồn nhân lực chuyển đổi số trong các cơ quan hành chính nhà nước; nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Ưu tiên nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu quan trọng thuộc các Chương trình, Chiến lược của Quốc gia về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn xã.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Chính quyền số

- 100% nhiệm vụ của UBND tỉnh giao được theo dõi, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu số.

- Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) đạt ít nhất 80%.

- Có $\geq 70\%$ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính.

- Có $\geq 70\%$ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

- Có $\geq 70\%$ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- Có $\geq 70\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- Có $\geq 80\%$ thủ tục hành chính liên quan đến sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.

- Hồ sơ trực tuyến toàn trình của các dịch vụ công trực tuyến đạt tỷ lệ trung bình tối thiểu 60%.

- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 90%.

- Có 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

- Có ít nhất 80% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

b) Kinh tế số và xã hội số

- Có ít nhất 80% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có $\geq 20\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.

- Có $\geq 85\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành được cấp chứng thư chữ ký số, chứng thư chữ ký điện tử đạt 50%.

- Tỷ lệ hồ sơ tư liệu các di sản văn hóa Việt Nam đã được ghi danh, công nhận và xếp hạng được số hóa, hiện diện trên môi trường số đạt tỷ lệ 100%.

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên toàn xã triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 70%.

- Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ hồ sơ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100%.

c) An toàn thông tin

Tỷ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước đạt 100%, tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước đạt 100%.

(có Phụ lục phân công thực hiện các chỉ tiêu cụ thể kèm theo)

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát

- Phát huy vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu; phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, xuyên suốt giữa các cơ quan, đơn vị.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ vướng mắc kịp thời các nhiệm vụ; lấy nhiệm vụ phát triển con người, bảo đảm và cải thiện dân sinh làm mục đích, tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp.

2. Thể chế, chính sách số

Triển khai thực hiện cụ thể hóa nhiệm vụ trên cơ sở Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND xã trên môi trường điện tử do UBND tỉnh ban hành; nghiên cứu chính sách hỗ trợ hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng.

3. Hạ tầng số

- Tiếp tục phối hợp các đơn vị viễn thông phủ sóng di động tại các cụm dân cư còn lõm sóng; phát triển kết nối internet băng rộng cố định đến hộ gia đình, cụm dân cư; phủ sóng 5G tại các điểm có thiết bị quan trắc.

- Duy trì, vận hành hạ tầng kỹ thuật liên tục, ổn định và nâng cấp mở rộng để đáp ứng phục vụ chính quyền điện tử, chính quyền số.

4. Nhân lực số

- Tiếp tục nâng cao nhận thức về chuyển đổi số của cán bộ lãnh đạo; bồi dưỡng kỹ năng thể chế hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo về công tác chuyển đổi số.

- Tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác công nghệ thông tin, chuyển đổi số hiện có; cử công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu để tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về chuyển đổi số; phát huy mạnh mẽ vai trò xung kích của Tổ Công nghệ số cộng đồng để

lan tỏa phong trào chuyển đổi số sâu rộng đến mọi tầng lớp Nhân dân.

5. Phát triển dữ liệu số

Hoàn thành công tác số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ; thúc đẩy nâng cao tỷ lệ tái sử dụng kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt mức trung bình của cả nước.

6. An toàn thông tin mạng

- Rà soát, hoàn thành tất cả nhiệm vụ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Triển khai đầy đủ, kịp thời đối với các khuyến cáo, cảnh báo của Công an tỉnh; tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức về an toàn trên không gian mạng; phổ biến, hướng dẫn về an toàn thông tin vào hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng.

7. Chính quyền số

- Triển khai Hệ thống theo dõi nhiệm vụ của UBND tỉnh; đảm bảo kết nối phục vụ yêu cầu theo dõi, đánh giá và giám sát của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

- Tổ chức khai thác Hệ thống Phòng họp không giấy dùng chung của UBND tỉnh.

- Tiếp tục tăng cường triển khai thực hiện việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong nội bộ các cơ quan nhà nước và giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 hiệu quả.

8. Kinh tế số và xã hội số

- Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp theo Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 16/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số; phát triển tên miền trong khu vực hộ kinh doanh cá thể và doanh nghiệp, từng bước hiện diện doanh nghiệp trên môi trường số, thúc đẩy thương mại điện tử, kinh doanh trên môi trường số theo Quyết định số 826/QĐ-BTTTT ngày 21/5/2024.

- Phát triển kinh tế số và xã hội số khu vực nông thôn theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025; Văn bản số 3445/BNN-VPĐP ngày 29/5/2023 về triển khai xây dựng mô hình thí điểm xã Nông thôn mới thông minh, xã thương mại điện tử.

9. Nâng cao nhận thức

Đẩy mạnh truyền thông về chuyển đổi số; tiếp tục tổ chức hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia bằng phương thức mới, cách làm mới; thực hiện truyền thông chuyển đổi số trên môi trường đa nền tảng; huy động nguồn lực truyền thông xã hội trong truyền thông chuyển đổi số; đẩy mạnh hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, là nòng cốt trong truyền thông và nâng cao kỹ năng số, kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin trong cộng đồng.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch hoạt động Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06 xã; triển khai nội dung trọng tâm năm 2025 của Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá các nhiệm vụ được giao và mức độ chuyển đổi số trong đơn vị; áp dụng kết quả đánh giá về chuyển đổi số để đánh giá hằng năm về trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, kỹ năng số

- Xây dựng các nội dung, chương trình truyền thông, đào tạo, bồi dưỡng đa dạng, phong phú, phù hợp từng đối tượng với thời lượng, hình thức phù hợp, hiệu quả, thực chất.

- Phổ biến các nền tảng học tập trực tuyến và công nghệ trí tuệ nhân tạo.

- Sản xuất và lan tỏa tin, bài, phóng sự, chuyên mục chuyên đề về chuyển đổi số, nêu bật ý nghĩa, lợi ích và kết quả thực hiện.

3. Đảm bảo nguồn lực tài chính

- Thực hiện mục tiêu đảm bảo tỷ lệ chi tối thiểu hàng năm cho chuyển đổi số là 0,5% tổng chi thường xuyên ngân sách cấp xã theo Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh quy định về đảm bảo tỷ lệ chi ngân sách nhà nước hàng năm cho Chuyển đổi số giai đoạn 2023-2025.

- Bố trí, sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành; các nguồn tài chính hợp pháp khác (nếu có).

- Lồng ghép sử dụng các nguồn hợp pháp khác cho chuyển đổi số như nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia; bố trí đầu tư các hạng mục có tính chất hạ tầng số tại các dự án đầu tư xây dựng.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành; các nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án liên quan; nguồn huy động từ các nguồn tài trợ, viện

trợ, xã hội, cộng đồng và các nguồn hợp pháp khác theo quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng, ban, ngành, cơ quan, đơn vị theo chức năng nhiệm vụ

- Triển khai có hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; đồng thời, chủ động rà soát, ban hành kế hoạch triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế.

- Tiếp tục thực hiện đạt kết quả các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 20/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh. Tập trung nguồn lực triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu đến hết năm 2025 theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; trong đó chú trọng các chỉ tiêu về an toàn thông tin, xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, dịch vụ công trực tuyến, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực; chuẩn bị cho việc kết thúc giai đoạn phát triển Chính quyền điện tử vào cuối năm 2025, sẵn sàng phát triển Chính quyền số vào đầu năm 2026.

2. Phòng Văn hóa – Xã hội

- Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch này; tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện theo quy định.

- Tăng cường công tác tham mưu về hoạt động của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06; hướng dẫn hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

3. Văn phòng HĐND và UBND

- Triển khai các nhiệm vụ đẩy mạnh chuyển đổi số phục vụ công tác báo cáo, chỉ đạo, điều hành của UBND xã, Chủ tịch UBND xã; duy trì, phát triển hệ thống thông tin báo cáo bảo đảm kết nối, tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

- Thực hiện vận hành, khai thác hệ thống trang thiết bị, các phần mềm phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của UBND xã như: iOffice; hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến; triển khai ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; hệ thống thư điện tử công vụ,...

- Tiếp tục triển khai số hóa, quản lý, khai thác dữ liệu hộ tịch, cập nhật dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến trên địa bàn xã theo chỉ đạo và hướng dẫn của cấp trên.

4. Phòng Kinh tế

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành, đơn vị liên quan tổng hợp nhu cầu và tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

- Phối hợp đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân kinh doanh thương mại điện tử trên địa bàn để nâng cao tinh thần

tuân thủ pháp luật, triển khai các quy định về thương mại điện tử, bảo vệ người tiêu dùng trên không gian mạng và triển khai các quy định về kê khai, nộp thuế đầy đủ.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ đo đạc, chỉnh lý, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tại địa phương.

- Tiếp tục triển khai hoàn thành việc số hóa hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc lĩnh vực đất đai, đảm bảo thực hiện theo đúng quy định.

5. Trung tâm Cung ứng dịch vụ công

- Thường xuyên cập nhật và phổ biến thông tin chính xác về chủ trương, chính sách, định hướng của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số; tuyên truyền các mô hình, câu chuyện thành công trong chuyển đổi số, nhằm tạo động lực và cảm hứng cho các tổ chức, cá nhân khác học tập và làm theo.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến doanh nghiệp và người dân tham gia các hoạt động phát triển chính quyền số, kinh tế số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn; truyền thông việc cung cấp và thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn.

6. Công an xã

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục triển khai Đề án 06 trên địa bàn xã.

- Điều chỉnh thông tin công dân theo mô hình 02 cấp địa giới hành chính.

- Phối hợp tổ chức thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của an ninh mạng; hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn, hoạt động các loại tội phạm trên không gian mạng, từ đó, ý thức được vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong bảo vệ an ninh mạng và xây dựng không gian mạng an toàn, lành mạnh.

7. Các trạm Y tế trên địa bàn xã

- Triển khai bệnh án điện tử theo hướng dẫn của Sở Y tế, đảm bảo việc tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

- Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử liên kết ứng dụng định danh điện tử (VNeID), góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

- Tăng cường công tác tuyên truyền người dân tích hợp BHYT, sử dụng Sổ sức khỏe điện tử; liên thông giấy chuyển tuyến, hẹn khám lại trên VneID.

8. Các trường học trên địa bàn xã: Tiếp tục triển khai Học bạ số theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các hội, đoàn thể xã

Tuyên truyền, vận động Nhân dân, đoàn viên, hội viên tham gia tích cực vào

việc chuyển đổi số; tổ chức phản biện xã hội, lấy ý kiến góp ý của Nhân dân trên địa bàn đối với các nội dung phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

Trên đây là Kế hoạch về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã Phước Giang năm 2025. Đề nghị các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND;
- CT, các PCT UBND xã;
- UBMTTQVN và các hội, đoàn thể xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Các ban, ngành trên địa bàn xã;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lễ

PHỤ LỤC**Bảng phân công thực hiện các chỉ tiêu phấn đấu đến hết năm 2025***(Kèm theo Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 19/9/2025 của**Chủ tịch UBND xã Phước Giang)*

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Hồ sơ trực tuyến toàn trình của các dịch vụ công trực tuyến đạt tỷ lệ trung bình tối thiểu 60%.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các phòng, đơn vị xã
2	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 90%.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các phòng, đơn vị xã
3	100% nhiệm vụ của UBND tỉnh giao được theo dõi, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu số.	Văn phòng HĐND và UBND	Các phòng, đơn vị xã
4	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) đạt ít nhất 80%.	Văn phòng HĐND và UBND	Các phòng, đơn vị xã
5	Có 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, đơn vị xã
6	Có ít nhất 80% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, đơn vị xã
7	Có ít nhất 80% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	Phòng Văn hóa – Xã hội; Phòng Kinh tế	Các phòng, đơn vị xã; Trạm Y tế; trường học
8	Có $\geq 70\%$ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các phòng, đơn vị xã
9	Có $\geq 80\%$ thủ tục hành chính liên quan đến sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các phòng, đơn vị xã
10	Có $\geq 70\%$ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các phòng, đơn vị xã
11	Có $\geq 70\%$ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các phòng, đơn vị xã
12	Có $\geq 70\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các phòng, đơn vị xã
13	Có $\geq 20\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.	Phòng Kinh tế	Các phòng, đơn vị xã

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
14	Có $\geq 85\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID.	Công an xã	Các phòng, đơn vị xã
15	Tỷ lệ dân số trưởng thành được cấp chứng thư chữ ký số, chứng thư chữ ký điện tử đạt trên 50%.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, đơn vị xã
16	Tỷ lệ hồ sơ tư liệu các di sản văn hóa Việt Nam đã được ghi danh, công nhận và xếp hạng được số hóa, hiện diện trên môi trường số đạt tỷ lệ 100%.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, đơn vị xã
17	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên toàn xã triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 70%.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các trường học
18	Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ hồ sơ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100%.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các Trạm Y tế
19	Tỷ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước đạt 100%, tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước đạt 100%.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các trường học